

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Phòng thủy ứng dụng (209509) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 24/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD102 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12122003	TRƯƠNG THỊ KIM	BÍCH	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	11143037	NGUYỄN PHƯƠNG	BÌNH	1			2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	12123070	PHẠM THỊ DUNG	DINH	1			3	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	12122298	PHẠM THỊ PHƯƠNG	DUNG	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	12120183	PHAN VŨ LÊ	DUY	1			3	5	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	12120184	MAI NGUYỄN PHẨM	DUYẾN	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	12120056	HUỲNH THỊ THUY	DƯƠNG	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	12120058	NGUYỄN VIÊN THÁI	DƯƠNG	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	12120281	TRƯƠNG THỊ THUY	DƯƠNG	1			3	5	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	12123246	CAO THỊ HÀ	GIANG	1			2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	12124162	ĐOÀN THỊ TRÁ	GIANG	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	12123116	NGUYỄN HUỲNH TRÚC	HÀ	1			3	5	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	12120063	NGUYỄN THỊ	HÀNH	1			2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	12120256	BÙI THỊ THANH	HÀNG	1			3	5	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	12155085	LÊ THỊ	HÀNG	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	12155034	LÊ CÔNG	HÀU	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	12120584	NGUYỄN THỊ	HOÀI	1			3	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	12120585	NGUYỄN KIM	HUYỀN	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số bài: 04..... Số tờ: 04.....
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2
ThS. Nguyễn Duyên Linh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)
ThS. Nguyễn Duyên Linh

Cán bộ chấm thi 1&2
ThS. Nguyễn Duyên Linh
Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Phong thủy ứng dụng (209509) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 24/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD102

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	θ_1 (%)	θ_2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11131026	LÊ KHẮC	DH11CH	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	12123028	NGUYỄN HUỲNH	DH12KE	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	12122156	NGUYỄN THỊ THU	DH12QT	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	12120008	NGUYỄN THỊ THÚY	DH12KT	1			2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	12120083	PHAN THỊ	DH12KT	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	12120210	LÔ THỊ THANH	DH12KT	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	12120493	BÙI HUỆ ĐỨC MỸ	DH12KT	1			2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	12120030	NGUYỄN THỊ TRÚC	DH12KT	1			3	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	12122166	PHẠM DUY	DH12QT	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	12155079	TRẦN THỊ THẢO	DH12KN	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	12120192	TRIỆU THỊ YẾN	DH12KT	1			3	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	12120090	TRẦN BẢO	DH12KT	1			2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
31	12120211	TRẦN THỊ	DH12KT	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
32	12120091	NGUYỄN THỊ LÚU	DH12KT	1			3	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
33	12122174	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DH12QT	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
34	12122206	NGUYỄN HỒNG	DH12QT	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
										(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
										(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số bài: 01H..... Số tờ: 02H.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và

đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 182

Duyệt của Trưởng Bộ môn

(Quan lý môn học)

THS. Nguyễn Duyên Linh

Cán bộ chấm thi 182

Ngày

tháng

năm

THS. Nguyễn Duyên Linh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Phong thủy ứng dụng (209509) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 24/06/13

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi TV302

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12120038	ĐẶNG XUÂN	AN	1	An		2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12120039	ĐOÀN HOÀNG	AN	1	Doan		2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12120365	TRẦN VĂN	ANH	1	Tran		3	5	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12120498	NGUYỄN TẤN	BÁO	1	Nh		2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12122103	TRƯƠNG TRẦN HOÀNG	BẢO	1	Tru		2	5	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10123010	LÊ VĂN	BẢO	1	Le		2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12120047	NGUYỄN LƯU	BÌNH	1	Nh		3	6	9	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12120265	PHẠM ĐĂNG	DUY	1	Ph		2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12122118	PHẠM THỊ MỸ	DUYỀN	1	Ph		2	6	9	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12122282	TRẦN MỸ	DUYỀN	1	Tru		2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12120247	HUỖNH DŨNG	DƯƠNG	1	Du		2	5	7	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12122325	ĐÀO VĂN	ĐẠO	1	Do		2	4	6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12120401	NGUYỄN QUỐC TRẦN	ĐỨC	1	Tru		2	5	7	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12120283	TRẦN THỊ MỸ	HÀNH							V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12120259	HÀ THỊ CẨM	HÀNG	1	Ha		2	5	7	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12120064	HUỖNH THỊ THANH	HÀNG	1	Th		2	5	7	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12120299	NGUYỄN NGỌC PHƯỢNG	HÀNG	1	Ph		2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12122133	NGUYỄN THỊ THANH	HÀNG	1	H		2	7	9	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 7.7; Số tờ: 7.9

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và

đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày

tháng

năm

ThS. Nguyễn Duyên Linh

ThS. Nguyễn Duyên Linh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Phong thủy ứng dụng (209509) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 24/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV302

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12120066	DƯƠNG NGỌC BẢO	HÂN	1	Đạt		26	8		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	12120187	DƯƠNG THỊ MỸ	HÂN	4	Đạt		26	8		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	12120612	LÊ NHƯ	HÂN	1	Đạt		26	8		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	12120293	NGUYỄN HOÀNG THỰC	HÂN	1	Đạt		25	7		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	12120069	TRẦN MỸ	HIỀN	1	Đạt		26	8		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	12122016	TRỊNH THẾ	HIỀN	1	Đạt		26	8		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	12120336	PHAN THỊ BÍCH	HOA	1	Đạt		26	8		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	12122317	NGUYỄN VĂN	HOÀI	1	Đạt		26	8		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	12120258	NGUYỄN NHƯ	HOÀNG	1	Đạt		26	8		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	12120074	HOÀNG	HUY	1	Đạt		36	9		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	12122022	LÊ THANH	HUY	1	Đạt		36	9		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	12123024	TRỊNH ĐỨC	HUY	1	Đạt		26	8		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
31	12120189	BÙI THỊ	HUYỀN	1	Đạt		25	7		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
32	12120586	TRẦN LÊ MỸ	HUYỀN	1	Đạt		26	8		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
33	12120514	HUỲNH THỊ HUẾ	HƯƠNG	1	Đạt		25	7		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
34	12120306	NGUYỄN THỊ QUẾ	HƯƠNG	1	Đạt		26	8		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
35	12123249	PHAN THỊ PHƯƠNG	LIÊN	1	Đạt		26	8		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
36	12122161	ĐINH THUY	LINH	1	Đạt		35	8		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số bài: 77; Số tờ: 79
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2
ThS. Thái Văn Hòa

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)
ThS. Nguyễn Duyên Linh

Cán bộ chấm thi 1&2
ThS. Nguyễn Duyên Linh
Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Phong thủy ứng dụng (209509) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 24/06/13

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi TV302

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	12120086	NGUYỄN THỊ NGỌC	ĐH12KT	1	Lech		2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12120394	VÕ NGỌC TRÚC	ĐH12KT	1	Binh		2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12122032	NGUYỄN DẠ	ĐH12QT	1	Quyet		2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12120093	PHẠM PHƯƠNG	ĐH12KT	1	Pho		2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12122175	TRẦN HUỖNH TRÀ	ĐH12QT	1	Mi		2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12120097	NGUYỄN THỊ LỆ	ĐH12KT	1	Le		2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12120377	ĐẶNG THỊ TUYẾT	ĐH12KT	1	Ngan		2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12120100	VÕ NHẬT KIM	ĐH12KT	1	Ngac		2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12120425	NGUYỄN MINH	ĐH12KT							V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12120416	NGUYỄN YẾN	ĐH12KT	1	Ngan		3	6	9	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12120274	LÊ THỊ QUỲNH	ĐH12KT	1	Nghe		3	6	9	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12120110	LÊ THỊ	ĐH12KT	1	Tinh		3	6	9	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12120482	ĐINH UYÊN	ĐH12KT	1	Uyen		2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12122048	LIÊU NGỌC	ĐH12QT	1	Quynh		2	5	7	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	12120487	BÙI HIỀN	ĐH12KT	1	Bui		2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	12123166	HUỖNH THỊ THẢO	ĐH12KE	1	Thao		2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	12122045	LÊ VĂN	ĐH12QT	1	Quyet		2	5	7	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	12122215	NGUYỄN BẢO	ĐH12QT	1	Quynh		2	7	9	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 77... Số tờ: 79...
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 182

Thái Văn Hòa

Duyệt của Trưởng Bộ môn

(Quản lý môn học)

Ths. Nguyễn Duyên Liệu

Cán bộ chấm thi 182

Ngày tháng năm

Ths. Nguyễn Duyên Liệu

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Phòng thủy ứng dụng (209509) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 24/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV302

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	12120412	NGUYỄN THỊ THUY	SANG	1	<i>gany</i>		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
56	12120485	LƯƠNG THỊ NGỌC	SƯƠNG	1	<i>SG</i>		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
57	12122288	TẠ NGUYỄN THẢO	SƯƠNG	1	<i>Thuy</i>		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
58	12122216	ĐÀO LƯU HỮU	TÀI	1	<i>Đào</i>		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
59	12122052	TRẦN NGỌC DUY	TÂN	1	<i>Trần</i>		2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
60	12123169	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	1	<i>Thanh</i>		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
61	12120127	PHAN THỊ THANH	THẢO	1	<i>Phan</i>		3	5	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
62	10122152	LÊ THỊ	THÊM	1	<i>Le</i>		3	5	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
63	12122311	ĐỖ THỊ CẨM	THƠ	2	<i>Th</i>		3	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
64	12122235	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	1	<i>Thu</i>		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
65	12122312	CÙ THỊ CẨM	THƯƠNG	1	<i>Th</i>		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
66	12120303	ĐẶNG THỊ CẨM	TIỀN	1	<i>Nguy</i>		2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
67	12122061	NGUYỄN HỮU	TÍN	0	<i>Nguy</i>		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
68	12122063	HÀ THỊ	TRANG	1	<i>Ha</i>		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
69	12122251	LÊ HUYNH NGỌC	TRÂM	1	<i>Le</i>		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
70	12120149	NGUYỄN THUY THƯƠNG	TRÂM	2	<i>Tram</i>		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
71	12122314	ĐINH THỊ NGỌC	TRINH	1	<i>Đinh</i>		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
72	12120153	NGUYỄN THỊ LAN	TRINH	1	<i>Nguy</i>		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số bài: 7,7; Số tờ: 7,9

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và

đã nhân trong số

Cán bộ coi thi 1&2

Thái Văn Hòa

Duyệt của Trưởng Bộ môn

(Quản lý môn học)

ThS. Nguyễn Duyên Linh

Cán bộ chấm thi 1&2

ThS. Nguyễn Duyên Linh

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Phong thủy ứng dụng (209509) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi :

24/06/13 Giờ thi: 07q00 -

Phòng thi TV302

Nhóm Thi :

Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

[illegible]

Số bài: 77; Số tờ: 79
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm để
đưa nhân trong số

Cần bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Ngày	tháng	năm
------	-------	-----

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

Ngày Thi : 24/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303

Môn Học : Phong thủy ứng dụng (209509) - Số Tín Chi: 3

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12123001	NGUYỄN HẠNH AN	DH12KE	1	<i>An</i>		2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	12122293	ĐÀO PHƯƠNG ANH	DH12QT	1	<i>Anh</i>		3	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	12120238	TRẦN NHẬT BẦU	DH12KT	1	<i>Bầu</i>		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	12120045	ĐỒNG THỊ MỸ BÌNH	DH12KT	1	<i>Bình</i>		2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	12123103	ĐAN CHÂU HẠNH CHI	DH12KE	1	<i>Chi</i>		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	12122083	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	DH12QT	1	<i>Cường</i>		2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	12155030	LÊ DƯƠNG ĐEN	DH12KN	1	<i>Đen</i>		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	12120363	HUỲNH THỊ THÚY DIỄM	DH12KT	1	<i>Diễm</i>		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	12122076	NGUYỄN THỊ HỒNG DIỄM	DH12QT	1	<i>Diễm</i>		3	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	12120243	TRƯƠNG THỊ KIỀU DIỄM	DH12KT	1	<i>Diễm</i>		2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	12120263	LÊ NGỌC DIỆP	DH12KT	1	<i>Diệp</i>		2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	12123011	ĐÀO THỊ DIỆU	DH12KE							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	12120054	PHẠM NGUYỄN CẨM DUNG	DH12KT	1	<i>Dung</i>		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	12120479	HỒ NG. MỘNG THÙY DUYỀN	DH12KT							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	12123014	NGUYỄN NGỌC KỲ DUYỀN	DH12KE	1	<i>Duyên</i>		2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	12120059	TRẦN TIỂU LINH ĐAN	DH12KT	1	<i>Đan</i>		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	12122123	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	DH12QT	1	<i>Đạt</i>		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	12123017	NGUYỄN KINH ĐO	DH12KE	1	<i>Đo</i>		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số bài: 75 Số tờ: 77
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 182

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Ngày tháng năm

Cán bộ chấm thi 182

Phạm Nguyễn Ngọc Thành
Phạm Nguyễn Du

Phạm Nguyễn Duyên Linh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Phong thủy ứng dụng (209509) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 24/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12122323	TRIỆU THI	DH12QT	1			3	5	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	12122126	BÙI THỊ THU	DH12QT	1			3	5	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	12120549	LÊ THI	DH12KT	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	12155044	CAO THỊ KIỀU	DH12KN	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	12124186	CHÂU THANH	DH12QL	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	12120042	LÝ THỊ PHI	DH12KT	1			3	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	12122301	NGUYỄN HÙNG	DH12QT	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	12120313	LÊ THỊ MỸ	DH12KT	1			1	6	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	12122158	TRẦN THỊ TUYẾT	DH12QT	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	12120389	ĐỖ THỊ MỸ	DH12KT	1			2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	12120526	HỒNG THỊ PHƯƠNG	DH12KT	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	12120193	TRƯƠNG THỊ MỸ	DH12KT	1			3	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
31	12120420	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DH12KT	1			3	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
32	12123032	MAI NGỌC	DH12KE	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
33	12120175	NGUYỄN THỊ THU	DH12KT	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
34	12123143	TRẦN THỊ TUYẾT	DH12KE	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
35	12120590	LÊ THỊ THANH	DH12KT	2			3	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
36	12120519	KIỀU MINH	DH12KT	1			2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số bài: 3
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Ngày tháng năm

TS. Nguyễn Duyên Linh

TS. Nguyễn Duyên Linh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Phòng thí nghiệm dụng (209509) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 24/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	12120591	NGUYỄN TRẦN	NAM	1			2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12120010	PHAN HOÀNG	NAM	1			2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12120398	NGUYỄN THỊ CHỨC	NĂNG	1			2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12120380	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	1			2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12120194	LÊ THỊ DIỆU	NGÂN	1			2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12122036	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	1			2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12123034	NGUYỄN THỊ THU	NGÂN	1			2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12120422	NGUYỄN ĐỖ LINH THÀ	NGỌC	2			3	6	9	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11160006	NGUYỄN THỊ MINH	NGỌC	1			2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12123153	NGUYỄN NGỌC THẢO	NGUYỄN	1			2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12123037	NGUYỄN VĂN	NGUYỄN	1			2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12120013	BÙI THỊ ÁNH	NGUYỆT	1			2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12122193	NGUYỄN THỊ MAI	NHI	1			2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12120557	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	1			2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	12123163	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	1			2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	12155052	NGUYỄN THỊ	NỮ	1			3	6	9	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	12122203	HỒ NHÌN	PHÓN	1			2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	11122098	PHAN THỊ	PHƯƠNG	1			2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 15; Số tờ: 17; ...
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2:

Duyệt của Trưởng Bộ môn (Quản lý môn học):

ThS: Nguyễn Duyên Linh

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

Ngày Thi : 24/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303

Môn Học : Phong thủy ứng dụng (209509) - Số Tín Chi: 3

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi tổng kết (%)	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	09123124	LÊ THỊ NHƯ	QUYNH	1			2	6	8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	12123044	NGUYỄN ĐÌNH	SON	1			2	5	7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	12155022	NGUYỄN THỊ	TÂM	1			2	6	8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	12122222	HỒ THỊ PHƯƠNG	THẢO	1			2	5	7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	12123047	LÊ THỊ HỒNG	THẢO	1			2	6	8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	12120579	TRƯƠNG THỊ THANH	THẢO	1			2	6	8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	12120201	PHAN THỊ ANH	THỊ	1			3	6	9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	10155008	VŨ MINH	THỌ	1			2	6	8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	12120177	BÙI THỊ XUÂN	THU	1			2	6	8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	12123078	MAI THỊ LÊ	THÚY	1			2	6	8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	12122233	PHẠM THỊ BÍCH	THÚY	1			1	6	7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	12122089	ĐỖ CHÍ	THƯƠNG							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	12120566	TRẦN THỊ CẨM	TIẾN	1			2	6	8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	12120141	TRẦN ĐỨC	TIẾN	1			2	6	8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	12122244	NGUYỄN TRONG	TÍN	1			2	6	8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	12120509	LÊ THỊ	TÌNH	1			3	5	8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	12123059	NGUYỄN HOÀI HƯNG	TRÌNH	1			3	5	8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	12122315	NGUYỄN THỊ KIM	TRON	1			3	5	8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 75; Số tờ: 77
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;
Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 182

Nguyễn Ngọc Thành
Nguyễn Du

Duyệt của Trưởng Bộ môn

(Quản lý môn học)
ThS. Nguyễn Duyên Lini

Cán bộ chấm thi 182

ThS. Nguyễn Duyên Lini

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Phòng thủy ứng dụng (209509) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 24/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV201

Nhóm Thi : Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12122001	LÊ ĐỨC	DH12QT	1			2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	12123097	LÊ THỊ HOÀI	DH12KE	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	12123098	NGUYỄN THỊ THỦY	DH12KE	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	12120319	HOÀNG QUỲNH	DH12KT	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	12120043	TRẦN THỊ TÚ	DH12KT	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	12120392	TRẦN VĂN	DH12KT	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	12120455	VŨ THỊ LAN	DH12KT	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	12120580	ĐỒNG THỊ	DH12KT	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	12120609	LÊ THỊ KIM	DH12KT	1			3	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	12124362	NGUYỄN NGỌC	DH12QL	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	12122297	NGUYỄN THỊ THANH	DH12QT	1			3	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	12122008	LÊ THỊ	DH12QT	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	12120270	NGUYỄN THỊ	DH12KT	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	12122084	PHẠM THỊ BẢO	DH12QT	1			2	3	5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	12120297	LÊ THỊ MỸ	DH12KT							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	10122035	DƯƠNG THỊ THỦY	DH10QT	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	12155068	NGUYỄN THANH	DH12KN	1			2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	11143160	HỒ PHƯỚC	DH11KM	1			2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số bài: 58..... Số tờ: 58.....
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 182

Trần Đức Phi Hùng
Nguyễn Lưu Như Quỳnh
Nguyễn Duyên Linh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

(Quản lý môn học)

Nguyễn Duyên Linh

Cán bộ chấm thi 182

Ngày 24 tháng 6 năm 2013

ThS. Nguyễn Duyên Linh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Phong thủy ứng dụng (209509) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 24/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV201

Nhóm Thi : Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm tổng kết (%)	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12120060	LÔ THỊ	ĐH12KT	1	Điệp		2	6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12123071	LÊ THỊ NGỌC	ĐH12KE	1	Nghe		2	6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12123122	NGUYỄN THỊ DIỆU	ĐH12KE	1	Kien		2	5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12120188	NGUYỄN THỊ NGỌC	ĐH12KT	1	Nghe		2	5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12120004	NGUYỄN THỊ	ĐH12KT	1	Nghe		2	6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12120407	VÕ THỊ	ĐH12KT	1	Hoa		2	6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12120209	LƯƠNG THỊ	ĐH12KT	1	Hoa		3	5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12123023	NGUYỄN THỊ KHÁNH	ĐH12KE	1	Nghe		2	6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12155112	PHẠM THỊ THÁI	ĐH12KN	1	Nghe		2	5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11122075	TRẦN ĐỨC	ĐH11QT	1	Nghe		2	6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12120513	LÊ THỊ MỸ	ĐH12KT	1	Nghe		2	6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12123128	THÔNG THỊ NGỌC	ĐH12KE	1	Nghe		2	5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12123072	NEÁNG CUNG BỎ LY	ĐH12KE	1	Nghe		2	5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12122155	NGUYỄN THỊ THUỖ	ĐH12QT	1	Nghe		2	6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12120381	NGUYỄN THỊ NHƯ	ĐH12KT	1	Nghe		2	6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12120081	NGUYỄN THỂ	ĐH12KT	1	Nghe		2	6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12120535	LÊ THỊ	ĐH12KT							
36	12122159	NGUYỄN VĂN THỦY	ĐH12QT	1	Nghe		2	6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 58.....; Số tờ: 58.....
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trong số

Cán bộ coi thi 182

Trần Đức Phi Hùng
Nguyễn Văn Nhứt Quynh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

(Quản lý môn học)

ThS. Nguyễn Duyên Linh

Cán bộ chấm thi 182

Ngày 24 tháng 6 năm 2013
ThS. Nguyễn Duyên Linh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Phong thủy ứng dụng (209509) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 24/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV201

Nhóm Thi : Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	12124376	ĐOÀN THỊ LINH	DH12QL	1	Linh		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	12120191	LÊ THỊ MỘNG	DH12KT	1	Mộng		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
39	12120295	NGUYỄN HOÀNG NHẬT	DH12KT	1	Nhật		2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
40	12120466	TRẦN THỊ KIM	DH12KT	1	Kim		3	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
41	12120087	TRẦN THỊ NHAN	DH12KT	1	Nhan		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
42	12124210	TÙ THỊ NGỌC	DH12QL	1	Ngọc		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
43	12120327	LÊ ĐÌNH PHI	DH12KT	1	Phi		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
44	12123090	ĐÌNH THỊ	DH12KE	1	Đình		3	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
45	09160076	TRẦN ĐỨC	DH10TK	1	Đức		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
46	12120399	LÊ THỊ NGỌC	DH12KT	1	Ngọc		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
47	12120098	PHẠM PHÙNG TIỂU	DH12KT	1	Phạm		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
48	12120034	TRẦN THỊ	DH12KT	1	Trần		2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
49	12120517	LÊ THỊ KIM	DH12KT	1	Kim					(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
50	12120354	TRẦN THỊ	DH12KT	1	Trần		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
51	12155019	VÕ TRỌNG	DH12KN	1	Trọng		2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
52	12120627	HOÀNG THỊ ÁNH	DH12KT	1	Ánh		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
53	12120031	LÊ THỊ MỸ	DH12KT	1	Mỹ		2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
54	12120449	NGUYỄN HOÀNG BẢO	DH12KT	1	Bảo		2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số bài: 58.....; Số tờ: 58.....
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 182

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 182

Ngày 24 tháng 6 năm 2013

Trần Thị Hùng
Nguyễn Lưu Như Quỳnh

ThS. Nguyễn Duyên Linh

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Nhóm Thi : Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 1

[illegible]

Cán bộ chấm thi 182 . Ngày 24 tháng 6 năm 2013

(Quan lý môn học)

ThS. Nguyễn Duyệt

ThS. Nguyễn Duyên Linh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Phòng thủy ứng dụng (209509) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 24/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD103

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12120094	LÊ NGUYỄN NGỌC	DH12KT			2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	12155151	NGUYỄN THỊ	DH12KN			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	12120524	PHAN THỊ KIM	DH12KT			3	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	12120508	HÀ MINH	DH12KT			1	7	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	12120102	LÊ THỊ NHƯ	DH12KT			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	12155020	TRẦN THỊ	DH12KN			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	12122192	VÕ CÔNG	DH12QT			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	12120107	NGUYỄN THỊ UYÊN	DH12KT			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	12120558	NGUYỄN TẤT	DH12KT			2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	12120199	NGUYỄN THỊ	DH12KT			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	12120111	LÊ THỊ KIM	DH12KT			2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	12120460	THÁI THỊ	DH12KT			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	12155055	LÊ THỊ	DH12KN			3	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	12120116	LẠI VŨ HÀ	DH12KT			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	12131175	NGUYỄN LÊ NAM	DH12CH			3	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	12123237	NGUYỄN THỊ THANH	DH12KE			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	12120462	LÊ THẢO	DH12KT			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	11143188	DIỆP NHƯ	DH11KM			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số bài: 44..... Số tờ:
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 182

Duyệt của Trưởng Bộ môn

(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 182

Ngày tháng năm

ThS. Nguyễn Duyên L.

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Phòng thủy ứng dụng (209509) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 24/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD103

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12120452	NGUYỄN THỊ KIM	SA				3	5	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	12122308	NGUYỄN THỊ THU	SƯƠNG				2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	12120300	NGUYỄN LINH	TÂM				2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	12122050	GIÁNG NGỌC PHƯƠNG	TÂN				2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	12120436	TRẦN THỊ THANH	THANH				3	5	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	12120403	TRẦN THỊ	THẢO				3	5	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	12120544	BÙI THỊ HỒNG	THẨM				2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	12122227	PHẠM THỊ HỒNG	THẨM				2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	12120136	TRẦN THỊ XUÂN	THÚY				3	5	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	12120536	NGUYỄN THỊ	THÚY				2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	12120202	NGUYỄN THỊ MỘNG	THÚY				3	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	12155101	LÊ NGỌC ANH	THƯ				2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
31	12120178	HUỲNH THỊ	THƯƠNG				2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
32	12120465	LÊ THỊ CẨM	TIỀN				3	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
33	12120140	NGUYỄN THỊ THÚY	TIỀN				2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
34	12120145	NGÔ NGỌC HUỲNH	TRANG				2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
35	12120312	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC				3	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
36	12124342	HỒ HUỲNH CẨM	TÚ				2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số bài: 44.....; Số tờ:
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 182

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 182

Ngày tháng năm

Đã: Dương T. Hoàng Giang
ThS. Nguyễn Duyên Linh

ThS. Nguyễn Duyên Linh

ThS. Nguyễn Duyên Linh

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

Ngày Thi : 24/06/13 **Giờ thi:** 07g00 - phút **Phòng thi** RD103

[illegible]

Số bài: 44.....; Số tờ:
 Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
 Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
 Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm
 đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Cán bộ coi thi 1&2

Đặng T. Hương

ThS. Nguyễn Duyên Li:

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Quyết của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

~~Cần bộ chấm thi 182~~

Ngày / tháng

năm

Mã nhận dạng 01796

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Phòng thí nghiệm dụng (209509) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 24/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi T1

Nhóm Thi : Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12120249	MAI THỊ TRÂM	ANH	1			2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	12124131	PHẠM KIỀU	ANH	1			2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	12155032	PHAN QUỐC	ANH	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	12122098	TRẦN THỊ KIM	ANH	1			2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	12123006	HÀ NGỌC	ÁNH	1			2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	12123074	VÕ THỊ SON	CA	1			2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	12122106	BÙI THỊ	CẨM	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	12123102	VÕ THỊ MỸ	CHÂU	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	12122295	LÊ THỊ QUÍ	CHUNG	1			2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	12123084	NGUYỄN THỊ KIM	CÚC	1			3	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	12120369	LÊ TẤN	CƯỜNG	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	12120182	NGUYỄN MAI	CƯỜNG	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	12123107	HUỲNH NGỌC	DIỆM	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	12122296	MAI THỊ	DIỆM	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	12120053	NGUYỄN THỊ THU	DUNG	1			2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	12122115	TRẦN HỮU	DUY	1			1	6	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	12122010	LÊ NGỌC	DƯ	1			3	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	12122122	TRẦN THỊ THUY	DƯƠNG	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số bài: 58 Số tờ: 59
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày tháng năm

ThS. Nguyễn Duyên Linh

ThS. Nguyễn Duyên Linh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Phòng thủy ứng dụng (209509) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 24/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi T1

Nhóm Thi : Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12131087	LA CHÍ	DH12CH	1			1	6	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	12123112	NGUYỄN THỊ TRƯỜNG	DH12KE				V	V	V	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	12123113	NGUYỄN THỊ NGỌC	DH12KE	1			3	5	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	12123020	TẠ THỊ	DH12KE	1			1	6	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	12122283	TRẦN THỊ THANH	DH12QT	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	12120464	NGUYỄN THỊ HỒNG	DH12KT	2			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	12122130	NGUYỄN VĂN	DH12QT	1			2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	12123118	ĐINH THỊ MỸ	DH12KE	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	12123075	PHẠM THỊ MỸ	DH12KE	1			2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	12123085	VÕ THỊ HỒNG	DH12KE					V	V	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	12123232	ĐỖ THỊ THÚY	DH12KE	1			3	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	12124169	LÊ NỮ MỸ	DH12QL	1			1	6	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
31	12123120	NGUYỄN PHÚC	DH12KE	1			2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
32	12123121	TRƯƠNG THỊ	DH12KE	1			3	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
33	12123086	CAO THỊ	DH12KE	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
34	12123087	LÊ THỊ	DH12KE	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
35	12123088	HỒ THỊ	DH12KE	1			2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
36	12123123	NGUYỄN XUÂN	DH12KE	1			1	5	6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số bài: 58..... Số tờ: 59.....
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;
Điểm thi cuối kỳ.
Điểm Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn (Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày tháng năm

Đỗ Thanh Nguyên
Nguyễn Thị Hiền
Nguyễn Thị Hồng

ThS. Nguyễn Duyên Linh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Phong thủy ứng dụng (209509) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 24/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi T1

Nhóm Thi : Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	12123247	NGUYỄN THỊ HOA	DH12KE	1			2	6	8		
38	12120262	ĐOÀN THỊ HOAN	DH12KT	1			2	6	8		
39	12122318	NGUYỄN THỊ HỒNG	DH12QT	1			3	6	9		
40	12123222	PHAN THỊ THU HỒNG	DH12KE	1			2	6	8		
41	12123126	TRẦN NHƯ NGỌC HỒNG	DH12KE	1			1	6	7		
42	11143178	TRẦN THỊ MINH HỒNG	DH11KM	1			3	6	9		
43	12122021	LƯU HỮU HUỆ	DH12QT	1			2	6	8		
44	12123027	ĐẶNG HỮU HÙNG	DH12KE	1			2	5	7		
45	12120076	NGUYỄN THỊ THANH HUỖN	DH12KT	1			3	6	9		
46	12120007	NGÔ NGUYỄN CHÂU KHANH	DH12KT	1			2	6	8		
47	12123130	NGUYỄN THỊ VÂN KHANH	DH12KE	1			2	6	8		
48	12122027	BÙI MINH KIẾT	DH12QT	1			2	6	8		
49	12123132	HỒ THỊ LÀNH	DH12KE	1			2	6	8		
50	12120543	NGUYỄN TÙNG LÂM	DH12KT	1			3	6	9		
51	12123234	NGUYỄN THỊ THANH LIÊN	DH12KE				✓	✓	✓		
52	12123235	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	DH12KE	1			3	6	9		
53	12123089	NGUYỄN YẾN LINH	DH12KE	1			2	6	8		
54	12120088	HUỖNH THỊ MỸ LOAN	DH12KT	1			2	5	7		

Số bài: 58; Số tờ: 59
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn (Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Nguyễn Thị Thanh Huân
ThS. Nguyễn Duyên Linh

ThS. Nguyễn Duyên Linh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Phong thủy ứng dụng (209509) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 24/06/13 **Giờ thi:** 07g00 - **phút** **Phòng thi T1**

Nhóm Thi : Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 1

[illegible]

Số bài: 58 Số tờ: 39
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm
đã nhân trong số

Cán bộ coi thi 182

Cán bộ coi thi 1&2

Đỗ Thanh Nguyên

Nguyễn Thị Tiên Trúc

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

ThS. Nguyễn Duy Cường

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Cán bộ chấm thi 182 Ngày tháng năm

ThS. Nguyễn Duyệt Linh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Phong thủy ứng dụng (209509) - Số Tín Chi: 3

Ngày Thi : 24/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV301

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12120040	LÊ THỊ THUY	AN				26	8		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	12120181	HUỖNH THỊ	BÉ				26	8		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	12122105	NGUYỄN DUY	BÌNH				26	8		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	11123255	VILAYSON	BOULETH				25	7		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	12122294	ĐÀO BÍCH	CHI				26	8		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	12120361	NGUYỄN THỊ	CHI				26	8		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	12122006	LÊ THỊ NGỌC	CÚC				26	8		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	12124371	NGUYỄN VIỆT	CƯỜNG				25	7		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	12122007	BÙI THỊ	DUNG				26	8		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	12122324	HOÀNG THỊ	ĐÀO				26	8		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	12155010	TRẦN THỊ	ĐÀO				25	7		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	11160126	KHÔNG ĐĂNG	ĐẠT				25	7		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	10122040	NGUYỄN THỊ NGỌC	ĐIỆP				26	8		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	12155125	TRẦN QUANG	ĐỘ				25	7		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	12120002	NGUYỄN VĂN	ĐỨC				26	8		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	11143212	NGUYỄN THỊ	HIỀN				26	8		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	12155073	KIM QUỐC	HIỀN				25	7		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	12122104	NGUYỄN THỊ	HOA				26	8		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số bài: 28; Số tờ: 28
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 182

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Duy Ngọc
Cán bộ Quản lý

Cán bộ chấm thi 182
TKS. Nguyễn Duyên Linh

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Phong thủy ứng dụng (209509) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 24/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV301

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11122137	ĐĂNG THỊ HÒA	DH11QT		Hòa		26	8		V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12122141	NGUYỄN THỊ HOÀ	DH12QT		Hy		27	9		V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12155134	NGUYỄN THỊ HỒNG	DH12KN		Hồng		26	8		V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12120005	TRẦN VIỆT HUY	DH12KT		Huy		26	8		V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12131098	VŨ THỊ HUỖN	DH12CH		Hu		26	8		V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12120261	NGUYỄN THANH HƯNG	DH12KT		Hung		26	8		V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12122149	NGUYỄN LAN HƯƠNG	DH12QT		Hương		26	8		V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12155149	PHẠM HỒNG KHANG	DH12KN		Pham		26	8		V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12120220	ĐINH VĂN LÂM	DH12KT		Pham		26	8		V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12155074	NGÔ THANH LÂM	DH12KN		Lam		25	7		V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12122164	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	DH12QT		Thuy		26	8		V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12124213	DƯƠNG THÀNH LONG	DH12QL		Long					V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12122170	HUỖNH THỊ ĐỨC LỘC	DH12QT		Hu		26	8		V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12122087	NGÔ THÀNH LỘC	DH12QT		Loc		26	8		V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12124216	NGUYỄN THÀNH LUÂN	DH12QL		Lu		26	8		V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12122031	LÊ THỊ KIM LÝ	DH12QT		Ly		27	9		V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12155007	ĐẶNG THỊ XUÂN MAI	DH12KN		Mai		26	8		V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12155099	NGUYỄN NHỰT MINH	DH12KN		Minh		25	7		V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 3
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 182

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Nguyễn Duy Ngọc
Cán bộ Đào tạo

Cán bộ chấm thi 182
ThS Nguyễn Duyên Linh

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Phong thủy ứng dụng (209509) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 24/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV301 Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	12155153	NGUYỄN THỊ HỒNG	MUI				2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	12120212	NGUYỄN THỊ	NGA				2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
39	12122181	LÊ THỊ TUYẾT	NGÂN				2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
40	12155083	NGUYỄN THỊ KIM	NGOC				2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
41	12155064	NGUYỄN THỊ XUÂN	NGUYỄN				2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
42	12155021	BÀNH QUỐC	NHẢ				2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
43	12123158	HỒ THANH	NHẬT				2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
44	12120620	TRƯƠNG HỒNG	NHƯ				2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
45	12120114	TRƯƠNG VĂN	PHÚC				2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
46	12122043	NGUYỄN NGỌC KIM	PHƯƠNG				2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
47	11143154	LÊ VĂN	QUANG				2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
48	12120429	TRẦN THỊ HỒNG	RIÊNG				2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
49	12122049	NGUYỄN VĂN	SÁU				2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
50	12155150	BÙI HỮU	TÀI				2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
51	12120321	TRẦN THỊ	THANH				2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
52	11143200	TRƯƠNG HỮU	THÀNH				2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
53	12120288	NGUYỄN CHIẾN	THẮNG				2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
54	12155098	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	THOẠI				2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số bài: 38; Số tờ: 38
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi cuối kỳ;
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày

tháng

năm

ThS. Nguyễn Duyên Linh

ThS. Nguyễn Duyên Linh

Nguyễn Duy Ngọc

Trần Văn Dũng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Phong thủy ứng dụng (209509) - Số Tín Chi: 3

Ngày Thi : 24/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV301

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số chữ ký tờ SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	12120434	PHẠM LÃ TRỌNG	THUẬN			2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	12122057	HOÀNG THỊ MINH	THUY			2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	11121010	NGUYỄN THỊ THUƠNG	THƯƠNG			2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	12122238	LÊ THỊ CẨM	TIỀN			2	5	7	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	12120251	NGUYỄN TRINH	TIỀN			2	7	9	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	12120291	PHẠM TRỌNG	TIỀN			2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	12155138	DIỆP THUY	TRANG			2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	12120143	LÊ THỊ HUỖN	TRANG			2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	12120147	THÁI NGUYỄN MINH	TRANG			2	7	9	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	12122250	TRẦN THỊ THUY	TRANG			2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	12155003	NGÔ VÕ HUỖN	TRÂM			2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	12120576	NGUYỄN HOÀNG	TRÂM			2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	12124370	LÂM NGỌC	TRÂM			2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	12155078	NGUYỄN THỊ HUỖN	TRÂN			2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	12155156	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRINH			2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	12120298	NGUYỄN THỊ ANH	TRÚC			2	6	8	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	12122065	HỒ CHÍ	TRUNG			2	5	7	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	12155004	NGUYỄN ANH	TUẦN						V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 28
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quan lý môn học*)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

ThS. Nguyễn Duyên Linh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc Kỳ 2 - Năm Hoc 12-13

Mã nhân dang 01793

Môn Học : Phong thủy ứng dụng (209509) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 24/06/13 **Giờ thi:** 07q00 - phút **Phòng thi** TV301

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 1

[illegible]

Số bài: 78; Số tờ: 78
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trong số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Cán bộ chấm thi 182

Ngày tháng năm

năm

Ng. Duy Nger

Cần Ôn Dụng / ThS. Nguyễn Duyên Linh

T48. Nguyễn Duyên Linh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Phòng thủy ứng dụng (209509) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 24/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV202

Nhóm Thi : Nhóm 05 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12124247	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	12120106	BÙI YẾN	NHI	1			2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	12124248	HUỖNH TRẦN YẾN	NHI	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	12123161	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHI	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	12120290	NGUYỄN THỊ Ý	NHI	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	12120196	PHẠM THỊ TUYẾT	NHI	1			2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	12120197	VĂN THỊ THÙY	NHIÊN	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	12124058	PHẠM THỊ TRÚC	OANH	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	12120113	BÙI THANH	PHONG	1		V	V	V	V	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	12122040	NGUYỄN TẤN	PHÚ	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	12122205	ĐẶNG HOÀNG	PHÚC	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	12155072	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	12122044	NGUYỄN XUÂN	QUANG	1			2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	11143167	LÊ THỊ	QUYÊN	1			2	7	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	12122046	LƯƠNG TRỌNG	QUỲNH	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	11122104	NGUYỄN THANH	SANG	1			2	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	12120431	BÙI CÔNG	SƠN	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	12120035	NGUYỄN NGỌC	SƠN	1			2	6	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số bài: 5; Số tờ: 5; ...
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;
Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và
đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Ngày tháng năm

ThS. Nguyễn Duyên Linh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Phòng thủy ứng dụng (209509) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 24/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV202

Nhóm Thi : Nhóm 05 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm tổng kết (%)	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12120122	ĐỖ THỊ HỒNG	SƯƠNG	1			26	8	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
20	12131192	VÕ THỊ THU	SƯƠNG	1			25	7	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
21	12124074	LÊ THỊ KIỀU	TÂM	1			26	8	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
22	12122309	TRẦN THỊ MINH	TÂM	1			26	8	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
23	11122034	NGUYỄN VĂN THÁI	THÁI	1			25	7	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
24	12122219	LÊ HOÀNG ANH	THAO	1			26	8	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
25	12122310	LÊ THỊ THẢO	THẢO	1			25	7	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
26	12123171	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	1			26	8	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
27	11160085	TRẦN PHƯƠNG	THẢO	1			26	8	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
28	12122228	PHẠM THỊ NGỌC	THẨM	1			26	8	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
29	12122055	NGUYỄN VĂN THÔNG	THÔNG	1			26	8	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
30	12120441	NGUYỄN THỊ THU	THU	1			26	8	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
31	12120132	NGUYỄN THỊ THANH THUY	THUY	1			26	8	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
32	12120138	HỒ THỊ THƯƠNG	THƯƠNG	1			27	9	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
33	12123079	PHẠM THỊ THANH	THƯƠNG	1			26	8	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
34	12122060	TRẦN MINH TIẾN	TIẾN	1			26	8	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
35	12123095	TRẦN THỊ NGHỆ	TÔNG	1			25	7	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
36	12123055	ĐINH THỊ XUÂN	TRANG	1			26	8	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)

Số bài: 59; Số tờ: 59
Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;
Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và
đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(
ThS. Nguyễn Duyên Linh

Cán bộ chấm thi 1&2

ThS. Nguyễn Duyên Linh

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Phong thủy ứng dụng (209509) - Số Tín Chi: 3

Ngày Thi : 24/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV202

Nhóm Thi : Nhóm 05 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm tổng kết (%)	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	12120622	NGUYỄN THỊ KIỀU	TRANG	2			2	6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12120148	VŨ THIÊN	TRANG	1			2	6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12123058	NGUYỄN THỊ LƯU	TRÂM	1			2	7	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12120204	PHAN VÕ BẢO	TRÂM	1			2	6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12122254	NGUYỄN HỒ BẢO	TRÂN	1			2	6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12123245	NGUYỄN THỊ	TRINH	1			2	6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12122292	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH	1			2	6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12120457	PHẠM THỊ CẨM	TRINH	1			2	6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12120032	HUỲNH THẾ	TRUNG	1			2	6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12155066	VÕ QUỐC	TRUNG	1			2	6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11122121	NGUYỄN DUY	TUẤN	1			2	5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12155090	PHẠM MINH	TUẤN	1			2	6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12120028	NGUYỄN THỊ KIM	TUYẾN	1			2	6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12120205	TRẦN THỊ THANH	TUYẾN	1			2	6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	12123195	LÊ THỊ	TUYẾT	1			2	6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	12120598	LÊ XUÂN	VĂN	1			2	6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	12120458	BẠCH THỊ TƯỜNG	VI	1			2	7	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	12120386	NGUYỄN THỊ	VƯƠNG	1			2	6	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 5.8. Số tờ: 5.9. Cán bộ coi thi 1&2:
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2; Điểm thi cuối kỳ. Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số.
Duyệt của Trưởng Bộ môn (Quản lý môn học):
Cán bộ chấm thi 1&2: Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Phòng thí nghiệm ứng dụng (209509) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 24/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV103

Nhóm Thi : Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm tổng (%)	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân																								
1	12122034	HUỖNH THANH	NAM	1			2	6	8	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr><tr><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td><td></td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																							
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																								
2	12122178	LÊ HOÀI	NAM	1			1	5	6	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr><tr><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td><td></td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																							
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																								
3	12122080	PHẠM THÁNH	NAM	1			1	4	5	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr><tr><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td><td></td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																							
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																								
4	12123147	DƯƠNG HẰNG	NGA	1			2	6	8	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr><tr><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td><td></td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																							
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																								
5	12123148	NGUYỄN HUỖNH BẠCH	NGA	1			2	5	7	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr><tr><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td><td></td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																							
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																								
6	11120129	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	1			2	5	7	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr><tr><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td><td></td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																							
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																								
7	12131102	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	1						<table><tr><td>●</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr><tr><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td><td></td></tr></table>	●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																							
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																								
8	12123035	PHAN THỊ KIM	NGÂN	1			2	5	7	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr><tr><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td><td></td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																							
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																								
9	12120239	NGUYỄN THỊ THÙY	NGOAN	1			2	6	8	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr><tr><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td><td></td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																							
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																								
10	12122185	PHẠM PHƯƠNG	NGUYỄN	1			2	6	8	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr><tr><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td><td></td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																							
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																								
11	12123154	PHAN TRẦN THẢO	NGUYỄN	1			2	5	7	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr><tr><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td><td></td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																							
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																								
12	12122189	MAI THỊ KIM	NHẢ	1			2	5	7	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr><tr><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td><td></td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																							
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																								
13	12120477	NGUYỄN THỊ THANH	NHẢ	1			2	7	9	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr><tr><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td><td></td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																							
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																								
14	12120338	PHẠM THỊ THANH	NHÀN	1			2	6	8	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr><tr><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td><td></td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																							
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																								
15	12123155	TRẦN THANH	NHÀN	1			2	6	8	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr><tr><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td><td></td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																							
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																								
16	12131124	NGUYỄN HUỖNH	NHƯ	1			2	6	8	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr><tr><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td><td></td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																							
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																								
17	12120108	TRẦN THỊ HUỖNH	NHƯ	1			2	6	8	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr><tr><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td><td></td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																							
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																								
18	12122200	VÕ THỊ NGỌC	NHƯ	1			2	6	8	<table><tr><td>V</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr><tr><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td><td></td></tr></table>	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																							
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																								

Số bài: 63; Số tờ: 63;
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và
đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 182

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Ngày tháng năm

Cán bộ chấm thi 182
ThS. Nguyễn Duyên Linh

Nguyễn Thị Long Thủy
Tạ Thị Hiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Phong thủy ứng dụng (209509) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 24/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV103 Nhóm Thi : Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12122306	NGUYỄN THỊ THÚY	NHY	1			2	5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12123164	NGUYỄN THỊ NHƯ	PHÔI	1			2	6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12120559	NGUYỄN THỊ KIM	PHỤNG	1			2	6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12120117	TRẦN THỊ THANH	PHƯƠNG	1			2	5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12120522	LÊ THỊ KIM	QUÝ	1			2	6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12123091	HỒ NHƯ	QUYNH	1			2	6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12122047	VŨ THÚY	QUYNH	1			2	5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12123281	ĐÀNG PHÚ NỮ	SAMAN	1			2	5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12120123	NGUYỄN CÔNG	TÀI	1			2	5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12120304	HUỖNH HỒ THIÊN	TÂM	1			2	6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12123255	HUỖNH THỊ HỒNG	THANH	1			2	6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12123238	LÊ THỊ THU	THẢO	1			2	6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12124293	PHAN HOÀN	THẮNG	1			2	6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12123241	HUỖNH THỊ BÍCH	THỊ	1			2	6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12123301	TRẦN THỊ KIM	THOÀ	1			2	7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12123094	NGUYỄN THỊ TUYẾT	THƠ	1			2	6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12120130	TRIỆU THỊ	THU	1			2	5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12123250	ĐÀO THỊ	THÚY	1			2	6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 03..... Số tờ: 03.....
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Ngày tháng năm

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn T. Long Hùng
T. Thị Hiệp

ThS. Nguyễn Duyên Linh

ThS. Nguyễn Duyên Linh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Phòng thí nghiệm ứng dụng (209509) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 24/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV103

Nhóm Thi : Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	12123181	NGUYỄN THỊ THANH	THƯƠNG	1			2	7	9		
38	12120139	TRẦN HOÀI	THƯƠNG	1			2	7	9		
39	12123053	VÕ THỊ HOÀI	THƯƠNG	1			2	5	7		
40	12123185	PHAN THỦY	TIỀN	1			2	7	9		
41	12123188	LÊ THỊ	TÌNH	1			2	6	8		
42	12123056	LÊ THỊ CHÁU	TRANG	1			2	6	8		
43	12122248	NGUYỄN THÙY	TRANG	1			2	7	9		
44	12123299	LÊ NGỌC	TRÂM	1			2	6	8		
45	12122064	THÁI DƯƠNG HUYNH	TRÂN	1			2	6	8		
46	12120534	NGUYỄN PHƯƠNG	TRINH	1			2	6	8		
47	12120155	ĐỖ THÀNH	TRUNG	1			2	6	8		
48	12123198	QUẢNG MINH KHÁ	TÚ	1			2	6	8		
49	12123197	VÕ THỊ THANH	TÙNG	1			2	6	8		
50	12120500	HỒ THỊ THANH	TUYỀN	1			2	6	8		
51	12123194	LÝ THỊ THANH	TUYỀN	1			2	6	8		
52	12123082	LƯU THỊ ÁNH	TUYẾT	1			2	6	8		
53	12120037	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	1			2	7	9		
54	12123062	NGUYỄN THỊ MỸ	TUYẾT	1			2	6	8		

Số bài: 03; Số tờ: 03;
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thành điểm 10 và
đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Long Hoàng
Tà phi thiếp

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

ThS. Nguyễn Duyên Linh

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

ThS. Nguyễn Duyên Linh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Phong thủy ứng dụng (209509) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi :

24/06/13 Giờ thi: 07g00

Phòng thi TV103

Nhóm Thi : Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 1

[illegible]

Số bài: 63; Số tờ: 63
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;
Điểm thi; Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm
đã nhân trong số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

~~Cán bộ chấm thi 182~~

Ngày

tháng

năm:

Ngũ, Long Hoàng
và phi thiếp

ThS. Nguyễn Duyên Linh

ThS. Nguyễn Duẩn Linh